

Bản án số: 61/2022/DSST.
Ngày 28 tháng 02 năm 2022.
“*V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé.

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 256/2021/TLST-DS ngày 01/7/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A C.

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB Town, số 444A-446 đường CMT8, phường 11, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền có ông Võ Minh Tuấn; (có mặt)

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB Town, số 444A-446 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lê H P, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Thường trú: thôn C M, xã V T, huyện V N, tỉnh K H.

Địa chỉ: tổ 8, ấp B T, xã T A H, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP A C (gọi tắt là ACB) cấp tín dụng cho ông Lê H P căn cứ theo hợp đồng cấp tín dụng số CUC.CN.266.080414 (số tài khoản 177271909) ngày 10/04/2014: Số tiền vay: 30.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 24 tháng từ ngày

10/04/2014 đến ngày 10/04/2016; Phương thức giải ngân: chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán của ông Lê H P tại ACB; Lãi suất trong hạn: 22%; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Lê H P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ACB đã chấm dứt hợp đồng vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn. Ngày 11/09/2015, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ chưa thanh toán của ông Lê H P.

Tính đến ngày 28/02/2022, ông Lê H P còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 18.030.402 đồng; Lãi trong hạn: 28.090.288 đồng; Lãi quá hạn: 13.081.037 đồng; Phí và các khoản phải trả: 1.400.000 đồng, tổng cộng là: 60.601.727 đồng. ACB cấp tín dụng cho ông Lê H P căn cứ theo hợp đồng cấp tín dụng số CUC.CN.03.160614 (số tài khoản 182077289) ngày 16/6/2014: Số tiền vay: 45.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 24 tháng từ ngày 10/04/2014 đến ngày 10/04/2016; Phương thức giải ngân: chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán của ông Lê H P tại ACB; Lãi suất trong hạn: 22%; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Lê H P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ACB đã chấm dứt hợp đồng vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn. Ngày 11/09/2015, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ chưa thanh toán của ông Lê H P.

Tính đến ngày 28/02/2022, ông Lê H P còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 33.766.205 đồng; Lãi trong hạn: 53.040.966 đồng; Lãi quá hạn: 24.573.364 đồng; Phí và các khoản phải trả: 1.400.000 đồng; Tổng cộng là: 112.780.535 đồng.

Như vậy, tính đến 28/02/2022 ông Lê H P còn nợ ACB các khoản của 2 khế ước nhận nợ trên là: Nợ gốc: 51.796.607 đồng; Lãi trong hạn: 81.131.254 đồng; Lãi quá hạn: 37.654.401 đồng; Phí và các khoản phải trả: 2.800.000 đồng; Tổng cộng là: 173.382.262 đồng.

Ngân hàng TMCP A C (ACB) yêu cầu như sau:

+ Buộc ông Lê H P trả ngay cho ACB tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 28/02/2022 là 173.382.262 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng).

+ Buộc ông Lê H P còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng của ACB, tính kể từ ngày 01/3/2022 đến ngày trả dứt nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thay đổi lời trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê H P.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, điều lệ công ty, quy chế công ty, giấy ủy quyền, bản sao CMND + HK, hợp đồng tín dụng, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A C yêu cầu ông Lê H P thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng mà ông P đã ký với Ngân hàng; Bị đơn ông Lê H P có nơi cư trú cuối cùng tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lê H P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng TMCP A C yêu cầu ông P hoàn trả cho phía Ngân hàng số tiền mà ông đã vay theo hợp đồng tín dụng số CUC.CN.266.080414 (số tài khoản 177271909) ngày 10/04/2014 và hợp đồng tín dụng số CUC.CN.03.160614 (số tài khoản 182077289) ngày 16/6/2014 tạm tính đến ngày 28/02/2022 là 173.382.262 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng), trong đó nợ gốc: 51.796.607 đồng; Lãi trong hạn: 81.131.254 đồng; Lãi quá hạn: 37.654.401 đồng; Phí và các khoản phải trả: 2.800.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/3/2022 đến ngày trả dứt nợ.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số CUC.CN.266.080414 (số tài khoản 177271909) ngày 10/04/2014 và hợp đồng tín dụng số CUC.CN.03.160614 (số tài khoản 182077289) ngày 16/6/2014 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A C và ông Lê H P; Bản kê tính lãi chi tiết; Giấy xác nhận nhân thân. Hội đồng xét xử xét thấy ông Lê H P ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A C để vay tiền là thật; Việc vay tiền là tự nguyện; Ông P chưa có vợ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Lê H P hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A C số tiền đã vay theo hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 28/02/2022 là 173.382.262 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng), trong đó nợ gốc: 51.796.607 đồng; Lãi trong hạn: 81.131.254 đồng; Lãi quá hạn: 37.654.401 đồng; Phí và các khoản phải trả: 2.800.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/3/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở chấp nhận.

Ông Lê H P đã chiếm hữu, sử dụng vốn vay của Ngân hàng TMCP A C trong thời gian dài, không có thiện chí trả nợ, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Lê H P hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A C số tiền trên 01 lần, ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A C là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 274, 275, 278, 280, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 274, 275, 278, 280, 357, 463, 466, 468, của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A C (ACB).

1. Buộc ông Lê H P thanh toán cho Ngân hàng TMCP A C (ACB) số tiền là 173.382.262 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng), trong đó nợ gốc: 51.796.607 đồng; Lãi trong hạn: 81.131.254 đồng; Lãi quá hạn: 37.654.401 đồng; Phí và các khoản phải trả: 2.800.000 đồng; Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật theo hợp đồng tín dụng số: CUC.CN.266.080414 (số tài khoản 177271909) ngày 10/04/2014 và hợp đồng tín dụng số CUC.CN.03.160614 (Số tài khoản 182077289) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A C (ACB) và ông Lê H P.

2. Buộc ông Lê H P phải trả cho Ngân hàng TMCP A C (ACB) tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: CUC.CN.266.080414 (số tài khoản 177271909) ngày 10/04/2014 và hợp đồng tín dụng số CUC.CN.03.160614 (Số tài khoản 182077289) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A C (ACB) và ông Lê H P kể từ ngày 01/3/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê H P phải chịu 8.669.113đ (Tám triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn một trăm mười ba đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A C (ACB) số tiền tạm ứng án phí 3.121.437đ (Ba triệu một trăm hai mươi một nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0022280 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

